

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/DS-PT

Ngày 15 tháng 6 năm 2018

V/v “Tranh chấp dân sự về hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm

Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 15/6/2018, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 301/2017/TLPT-DS ngày 26/12/2017 về việc “Tranh chấp dân sự về hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2018/QĐ-PT ngày 28/3/2018, Quyết hoãn phiên tòa số 122/2018/QĐ-PT ngày 27/4/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 123/2018/QĐ-PT ngày 25/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953.

Địa chỉ cư trú: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1955, ngụ xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H (theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 12 năm 2016).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: xã K, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1955.

Địa chỉ cư trú: xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị R đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông H có làm chủ 06 dây hội, hình thức hội huê hồng. Tuy nhiên việc tổ chức khai hội, gom hội, giao hội và viết sổ sách đều do bà R là vợ ông H thực hiện.

Bà H có tham gia 06 (sáu) dây hội do ông H làm chủ hội, đã hót tất cả 06 dây hội vào ngày khai hội đầu tiên. Hiện tại, 06 dây đã mãn nhưng bà H chưa đóng đủ tiền hội chết lại cho ông H. Cụ thể như sau:

1. Dây hội khai ngày 05-10-2012 (al), hội 500.000 đồng/phần, có 30 phần hội, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hội 01 lần. Bà H bỏ hội 250.000 đồng hót hội vào ngày khai hội đầu tiên được số tiền 7.100.000 đồng (sau khi trừ huê hồng 150.000 đồng). Sau đó, bà H có đóng hội chết 04 lần, còn thiếu lại 25 lần chưa đóng. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hội ông H là 500.000 đồng x 25 lần = 12.500.000 đồng.

2. Dây hội khai ngày 25-11-2012 (al), hội 500.000 đồng/phần, có 26 phần hội, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hội 01 lần. Bà H bỏ hội 200.000 đồng và hót hội vào ngày khai hội đầu tiên được số tiền 7.350.000 đồng (sau khi

trừ huê hồng 150.000 đồng). Sau đó, bà H không đóng hội chết lần nào. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hội ông H là $500.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ lần} = 12.500.000 \text{ đồng}$.

3. Dây hội khui ngày 30-7-2013 (al), hội 500.000 đồng/phần, có 26 phần hội, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hội 01 lần. Bà H bỏ hội 200.000 đồng và hốt hội vào ngày khui hội đầu tiên được số tiền 7.350.000 đồng (sau khi trừ huê hồng 150.000 đồng). Sau đó, bà H đóng hội chết được 03 lần. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hội ông H là $500.000 \text{ đồng} \times 22 \text{ lần} = 11.000.000 \text{ đồng}$.

4. Dây hội khui ngày 20-9-2011 (al), hội 1.000.000 đồng/phần, có 30 phần hội, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hội 01 lần. Bà H bỏ hội 450.000 đồng và hốt hội vào ngày khui hội đầu tiên được số tiền 15.650.000 đồng (sau khi trừ huê hồng 300.000 đồng). Sau đó, bà H có đóng hội chết 02 lần. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hội ông H là $1.000.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ lần} = 27.000.000 \text{ đồng}$.

5. Dây hội khui ngày 20-11-2013(al), hội 300.000 đồng/phần, có 26 phần hội, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hội 01 lần. Bà H bỏ hội 150.000 đồng và hốt hội vào ngày khui hội đầu tiên được số tiền 6.150.000 đồng (sau khi trừ huê hồng 100.000 đồng). Sau đó, bà H có đóng hội chết 04 lần. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hội ông H là $300.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ lần} = 6.300.000 \text{ đồng}$.

6. Dây hội khui ngày 15-01-2014 (al), hội 300.000 đồng/phần, có 30 phần hội, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hội 02 lần. Bà H bỏ hội 100.000 đồng và hốt hội vào lần khui hội đầu tiên được số tiền 5.700.000 đồng (sau khi trừ huê hồng 100.000 đồng). Sau đó, bà H có đóng hội chết 01 lần. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hội ông H là $300.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ lần} = 8.400.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền hội bà H còn thiếu ông H là 77.700.000 đồng.

Nay bà R đồng ý trừ số tiền 10.000.000 đồng (do bà H trả tại Công an xã K và trả trực tiếp trả cho bà R), tự nguyện bớt cho bà H số tiền 2.200.000 đồng, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền hội còn nợ là 65.500.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H xác định có tham gia 06 dây hụi do ông H làm chủ, theo trình bày của nguyên đơn thì chỉ có 02 dây hụi bà H thống nhất ngày tham gia, không đồng ý về số tiền nợ là:

- Dây hụi khai ngày 25-11-2012 (al), hụi 500.000 đồng/phần. Sau khi hốt hụi đầu, bà H đã đóng hụi chết cho bà R 17 lần x 500.000 đồng = 8.500.000 đồng. Bà H xác định chỉ còn thiếu tiền hụi của ông H đối với dây hụi này 08 lần x 500.000 đồng = 4.000.000 đồng.

- Dây hụi khai ngày 20-11-2013 (al), hụi 300.000 đồng/phần, có 26 phần hụi. Sau khi hốt hụi đầu, bà H đã đóng hụi chết cho bà R 15 lần x 300.000 đồng = 4.500.000 đồng. Bà H xác định chỉ còn thiếu tiền hụi của ông H đối với dây hụi này 10 lần x 300.000 đồng = 3.000.000 đồng.

Do đó, bà H chỉ đồng ý trả cho ông H tiền hụi của 02 dây là 7.000.000 đồng. Ngoài ra, khi hòa giải ở Công an xã K, bà H còn thiếu ông H tiền hụi chưa đóng là 8.000.000 đồng, bà H đồng ý trả cho ông H tổng cộng 15.000.000 đồng.

Bà H xác định không có tham gia 04 dây hụi của ngày 05-10-2012 (al); 30-7-2013 (al); 20-9-2011 (al); 15-01-2014 (al) mà có tham gia 04 dây hụi khác như sau:

1. Dây hụi khai ngày 10-5-2012 (al), hụi 500.000 đồng/phần, có 30 phần hụi, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần. Bà H hốt hụi vào ngày khai hụi đầu tiên được số tiền 6.875.000 đồng. Sau đó, bà H có đóng hụi chết 20 lần, còn thiếu lại 09 lần chưa đóng. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hụi ông H là 500.000 đồng x 09 lần = 4.500.000 đồng.

2. Dây hụi khai ngày 10-7-2012 (al), hụi 300.000 đồng/phần, có 25 phần hụi, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần. Bà H hốt hụi vào ngày khai hụi đầu tiên được số tiền 4.680.000 đồng. Sau đó, bà H có đóng hụi chết 15 lần, còn thiếu lại 09 lần chưa đóng. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hụi ông H là 300.000 đồng x 09 lần = 2.700.000 đồng.

3. Dây hội khui ngày 20-12- 2012 (al), hội 1.000.000 đồng/phần, có 26 phần hội, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hội 01 lần. Bà H hốt hội vào ngày khui hội đầu tiên được số tiền 13.750.000 đồng. Sau đó, bà H có đóng hội chết 18 lần, còn thiếu lại 07 lần chưa đóng. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hội ông H là $1.000.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ lần} = 7.000.000 \text{ đồng}$.

4. Dây hội khui ngày 05-4-2013 (al), hội 300.000 đồng/phần, có 25 phần hội, bà H tham gia 01 phần, mỗi tháng khui hội 01 lần. Bà H hốt hội vào ngày khui hội đầu tiên được số tiền 4.060.000 đồng. Sau đó, bà H có đóng hội chết 20 lần, còn thiếu lại 09 lần chưa đóng. Như vậy, bà H còn thiếu tiền hội ông H là $300.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ lần} = 2.700.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng 04 dây hội trên, bà H còn thiếu ông H là 16.900.000 đồng. Ông H không khởi kiện 04 dây hội này nhưng bà H tự nguyện trả cho ông H số tiền còn thiếu 16.900.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp quyết định.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền hội còn nợ tổng cộng 65.500.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Nguyễn Văn H tiền hội còn nợ của 02 dây hội ngày 25-11-2012 (al) và dây hội ngày 20-11-2013 (al) tổng số tiền là 18.800.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2017 ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, yêu cầu bà H phải trả cho ông H 65.500.000 đồng tiền nợ hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị R đại diện theo ủy quyền của ông

Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng nội quy phiên tòa, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm như sau:

Việc tham gia chơi hụi và nợ hụi của các đương sự là có thật, nhưng nguyên đơn không chứng minh được số tiền mà bị đơn nợ hụi. Bởi vì; tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận các giấy hụi do nguyên đơn tự ghi, không được bị đơn thừa nhận, lời khai của người làm chứng là các con của bà R và là người thân của bà R nên không đảm bảo tính khách quan, không có căn cứ xác định lời trình bày của người làm chứng là chứng cứ, cũng như tại phiên tòa họ không trình bày được việc nợ hụi của bà H theo yêu cầu của ông H với bà R. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông H có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H đồng ý trả cho ông H số tiền nợ hụi tổng cộng là 31.500.000 đồng, đây là sự tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo hướng chấp nhận sự tự nguyện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được

xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về quan hệ pháp luật:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các đương sự tranh chấp dân sự về hội theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và được quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; nay là Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng.

Về nội dung:

Việc xác định các đương sự có tham gia chơi hội và còn nợ hội, nên ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả nợ hội là có một phần căn cứ.

Bà Nguyễn Thị R đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H cho rằng; bà Nguyễn Thị H trả tiền hội còn thiếu của 06 dây hội, tổng cộng 65.500.000 đồng. Cụ thể:

1. Dây hội khai ngày 05-10-2012 (al), hội 500.000 đồng/phần, có 30 phần hội, bà H còn thiếu tiền hội ông H là 500.000 đồng x 25 lần = 12.500.000 đồng.

2. Dây hội khai ngày 25-11-2012 (al), hội 500.000 đồng/phần, có 26 phần hội, bà H tham gia 01 phần, bà H còn thiếu tiền hội ông H là 500.000 đồng x 25 lần = 12.500.000 đồng.

3. Dây hội khai ngày 30-7-2013 (al), hội 500.000 đồng/phần, có 26 phần hội, bà H tham gia 01 phần, bà H còn thiếu tiền hội ông H là 500.000 đồng x 22 lần = 11.000.000 đồng.

4. Dây hội khai ngày 20-9-2011 (al), hội 1.000.000 đồng/phần, có 30 phần hội, bà H tham gia 01 phần, bà H còn thiếu tiền hội ông H là 1.000.000 đồng x 27 lần = 27.000.000 đồng.

5. Dây hội khai ngày 20-11-2013(al), hội 300.000 đồng/phần, có 26 phần

hụi, bà H tham gia 01 phần, bà H còn thiếu tiền hụi ông H là 300.000 đồng x 21 lần = 6.300.000 đồng.

6. Dây hụi khai ngày 15-01-2014 (al), hụi 300.000 đồng/phần, có 30 phần hụi, bà H tham gia 01 phần, bà H còn thiếu tiền hụi ông H là 300.000 đồng x 28 lần = 8.400.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm và các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy việc ghi hụi và nợ hụi là do ông H với bà R thực hiện không chứng minh được bà H nợ là 65.500.000 đồng theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc cung cấp chứng cứ của nguyên đơn khi khởi kiện ngày 31/10/2016 các danh sách hụi có bút lục từ số 11 đến số 16, so với chứng cứ nguyên đơn cung cấp ngày 28/02/2017 các danh sách hụi có bút lục từ số 21 đến số 26 có nhiều mâu thuẫn, không trùng khớp với nhau, nên không có căn cứ xác định nợ hụi của bà H, cũng như lời trình bày của những người làm chứng tại phiên tòa là các con của bà R với ông H không đảm bảo tính khách quan, nhưng các đương sự cũng không biết và không xác định được số nợ hụi của bà H là 65.500.000 đồng, nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với bà H không kháng cáo bản án sơ thẩm, vì bà cho rằng có nợ hụi nhưng đã trả được một phần, chỉ còn nợ một phần, nhưng các chứng cứ bà cung cấp không chứng minh được số tiền đã trả, bởi vì các giấy hụi do bà tự ghi phần đã đóng hụi chết "Tôi có đóng", việc ghi này không được đối chiếu và nguyên đơn không thừa nhận, nên không xem đây là chứng cứ để xác định số tiền bà H đã đóng hụi cho ông H.

Tại các biên bản ghi lời khai và biên bản đối chất cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà H thừa nhận có nợ hụi của ông H và đồng ý trả. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà H tự nguyện trả phần nợ hụi của ông H tổng số tiền là 31.500.000 đồng, không yêu cầu trừ lại số tiền bà đã trả tại Công an xã K, không ràng buộc với phần nợ hụi của chị N, các đương sự thống nhất là không còn phần nợ hụi nào khác. Xét thấy sự tự nguyện này của bà H là có căn cứ và

không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và chấp nhận sự tự nguyện của bà H, nên sửa bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S theo hướng chấp nhận sự tự nguyện của bà H đồng ý trả cho ông H số tiền nợ hui là 31.500.000 đồng.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S bị sửa nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468, 471 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 17, 25, 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H trả tiền nợ hui của 6 dây hui ngày 05-10-2012 (al), ngày 25-11-2012 (al), ngày 30-7-2013 (al), ngày 20-9-2011 (al), ngày 20-11-2013 (al), ngày 15-01-2014(al) theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn H tổng cộng là 31.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 2.335.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp ngày 17 tháng 11 năm 2016 theo biên lai số 06244 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S là 1.942.500 đồng, sau khi khấu trừ vào tiền án phí phải nộp, ông H còn nộp tiếp 392.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 01166 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 940.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được

thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND TP.S;
- Chi cục THADS TP.S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tấn